

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN LĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 402/QĐ-UBND

Văn Lăng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2024
của xã Văn Lăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN LĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của công chức Tài chính- kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2025 của xã Văn Lăng (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ban tài chính.

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Trường



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	400.000	27.747.968	378.384	28.083.744	95	101
I	Các khoản thu 100%	204.000	204.000	216.803	216.803	106	106
1	Phí, lệ phí	34.000	34.000	40.203	40.203	118	118
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	170.000	170.000	176.600	176.600	104	104
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	196.000	45.000	161.581	49.001	82	109
1	Các khoản thu phân chia	30.000	15.000	33.245	16.131	111	108
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			983	983		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30.000	15.000	32.262	16.131	108	108
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	166.000	30.000	128.336	32.870	77	110
	- Thuế GTGT	30.000	30.000	32.870	32.870	110	110
	- Thuế TNCN	136.000		95.466		70	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				3.996.086		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				96.016		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		27.498.968		23.725.838		86
	- Thu bổ sung cân đối		7.571.000		6.949.323		92
	- Thu bổ sung có mục tiêu		19.927.968		16.776.515		84

378.384



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	27.747.968	28.083.744	101
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	204.000	216.803	106
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	45.000	49.001	109
3	Thu bổ sung	27.498.968	23.725.838	86
	- Thu bổ sung cân đối	7.571.000	6.949.323	92
	- Thu bổ sung có mục tiêu	19.927.968	16.776.515	
4	Thu kết dư		96.016	
5	Thu chuyển nguồn		3.996.086	
II	TỔNG SỐ CHI	22.547.922	22.267.537	99
1	Chi đầu tư phát triển	11.440.378	11.249.084	
2	Chi thường xuyên	11.061.044	11.018.453	100
3	Dự phòng	46.500		